TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 51/2018/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 12 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 63/2018/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Phạm Duy T, sinh năm: 1990.

+ Chị Bùi Thị Q, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ cư trú tại: Bản S, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Cùng có nơi làm việc tại: Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 11 năm 2018. Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm và giữ nguyên quan điểm là yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q có 01 con chung, cháu tên là Phạm Duy Quốc H, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2014. Anh T và chị Q đã thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn, con chung sẽ do chị Q nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Cả hai sẽ tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, nuôi dưỡng con chung.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q thỏa thuận, thống nhất: Anh T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000 đồng mỗi tháng, vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu Phạm Duy Quốc H đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q xác nhận không có nợ chung.

[6] Về lệ phí: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Anh T và chị Q thỏa thuận thống nhất: Toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sẽ do anh T có trách nhiệm chịu thay phần lệ phí mà chi Q phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Thị Q có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Duy Quốc H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Q và anh T phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Duy T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Duy Quốc H số tiền là 2.000.000 đồng mỗi tháng, vào ngày 20 hàng tháng, tính từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm Duy T và chị Bùi Thị Q mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh T và chị Quý thỏa thuận thống nhất: Toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con sẽ do anh T có trách nhiệm chịu thay cả phần lệ phí mà chi Q phải nộp. Vậy anh T phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án anh T đã nộp 300.000 đồng ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo biên lai số: AA/2010/0002122 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá